

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày 25 – 02 - 2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hằng;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chang – Thư ký Tòa
án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Ái Thiên Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai,
Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân
và gia đình thụ lý số 112/2025/TLST - HNGĐ ngày 13/10/2025 về việc “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
15/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số
12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/02/2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lù Thị H – Sinh năm 1990.

Đăng ký thường trú: Thôn Nậm Chủ, xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai. Vắng
mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Hoàng Văn C – Sinh năm 1987

Đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn Nậm Chủ, xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lù Thị H
trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn C kết hôn với nhau ngày 06/10/2009 tại UBND xã
Bản Cầm, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (Nay là xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai)
trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc
được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình
không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và nuôi dạy con chung,
thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi, mục
đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hai bên gia
đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân từ tháng
11/2024, từ khi ly thân không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như về kinh tế.

Nay chị Lù Thị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Văn H – Sinh ngày 14/02/2008 và cháu Hoàng Thị Tuyết N – Sinh ngày 24/10/2010. Từ khi anh chị ly thân, các cháu Hoàng Văn H, Hoàng Thị Tuyết N do anh Hoàng Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử cháu Hoàng Văn H đã đủ tuổi trưởng thành nên chị Lù Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập của cháu N không bị thay đổi, xáo trộn, chị Lù Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Hoàng Văn C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Tuyết N đến khi đủ 18 tuổi, chị Lù Thị H cấp dưỡng nuôi cháu Nhi 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Lù Thị H hiện nay đang làm tại khu công nghiệp Phú Hà, tỉnh Phú Thọ với mức thu nhập trung bình là 8.000.000 đồng/tháng.

Về án phí: Chị Lù Thị H nhận chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lù Thị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn C: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thực hiện thủ tục tổng đạt cho anh Hoàng Văn C. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn C không có văn bản trả lời và cũng không đến Tòa án làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên tại biên bản 10/02/2026 anh Chín có ý kiến nhất trí ly hôn, có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nhưng không lên Tòa án, không tham gia phiên tòa, anh hiện nay làm tự do tại địa phương với mức thu nhập trung bình 8.000.000 đồng/tháng. Tại phiên hòa giải anh C vắng mặt không có lý do, sau đó, chị Lù Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiếp tục hòa giải theo quy định khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227, điều 228, điều 238; Điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị H, xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Tuyết N – Sinh ngày 24/10/2010 cho anh Hoàng Văn C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi; Chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị H về việc cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Thị Tuyết N 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai theo khoản 1 Điều 28; Khoản 1 điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội.

Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Lò Thị H và anh Hoàng Văn C kết hôn ngày 06/10/2009 tại UBND xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (Nay là xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, nuôi dạy con chung, thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2024, từ khi ly thân không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như về kinh tế. Chị Lò Thị H đã cung cấp xác nhận của trưởng thôn Nậm Chủ, xã Phong Hải về mâu thuẫn của anh chị là đúng sự thật. Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Văn H – Sinh ngày 14/02/2008 và cháu Hoàng Thị Tuyết N – Sinh ngày 24/10/2010. Cháu Hoàng Văn H đến thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử đã đủ tuổi trưởng thành nên chị Lò Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Lò Thị H hiện nay đang làm tại khu công nghiệp Phú Hà, tỉnh Phú Thọ với mức thu nhập

trung bình là 8.000.000 đồng/tháng. Chị Lò Thị H có nguyện vọng để anh Hoàng Văn C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thị Tuyết N đến khi đủ 18 tuổi. Chị Lò Thị H cấp dưỡng nuôi cháu Nhi 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ngày 15/12/2025 Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai đã hỏi ý kiến cháu Hoàng Thị Tuyết Nhi, cháu Nhi có nguyện vọng ở với anh Hoàng Văn C. Xét thấy, từ khi anh chị mâu thuẫn, ly thân tháng 11/2024, anh Hoàng Văn C cũng là người thường xuyên chăm sóc con chung, anh làm lao động tự do ở địa phương với mức thu nhập trung bình 8.000.000 đồng/tháng (Theo biên bản ý kiến ngày 10/02/2026 của anh Hoàng Văn C và công văn số 865/BC-CAX ngày 28/12/2025 của Công an xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai, xác định anh Hoàng Văn C hiện nay đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Tuyết N và có đủ điều kiện để nuôi con chung. Do vậy, giao cháu Hoàng Thị Tuyết N cho anh Hoàng Văn C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hoàng Văn C không yêu cầu chị Lò Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên, chị Hương có nguyện vọng được cấp dưỡng và có thu nhập ổn định nên đề nghị cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Thị Tuyết N 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi của chị Lò Thị H là phù hợp cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp.

[6] Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107; Điều 110 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Hoàng Văn C, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Tuyết N – Sinh ngày 24/10/2010 cho anh Hoàng Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Lò Thị H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Lò Thị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001208 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị Lò Thị H còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh; VKSND KV6 (2);
- Các đương sự (2);
- THADS KV6;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu HS; Lưu TA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nga